

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **749/2018/KDTM-PT**
Ngày: 16/8/2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Thẩm Phán: 1. Bà Biện Thị Hoa
2. Bà Vũ Thị Thu Hà.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tâm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Long – Kiểm sát viên.

Vào ngày 08 và ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/KDTMPT 12/04/2018, về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 28/02/2018 của Tòa án nhân dân Quận N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2222/2018/QĐXX-PT ngày 16/5/2018, Quyết định hoãn phiên Tòa số 4163/2018/QĐ-PT ngày 12/6/2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3246/2018/QĐXX-PT ngày 24/07/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH KH

Địa chỉ: Lô D-3-CN, Khu Công nghiệp M, thị xã B, tỉnh D.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn SHT, Sinh năm 1990 đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: Lô D3 Khu công nghiệp M, phường T, thị xã B, tỉnh D

Bị đơn: Công ty TNHH BX

Địa chỉ: Số 280 B4, Đường L, Khu phố M, phường A, Quận N, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Oh CS đại diện theo pháp luật tham gia.

Phiên dịch cho ông Oh CS có bà Võ TTD – Sinh năm 1982, CMND số 025119263 cấp ngày 11/6/2009 tại Công an Thành phố H là nhân viên của Công ty.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Đại diện hợp pháp nguyên đơn trình bày: Ngày 01/3/2011, Công ty TNHH

KH (Sau đây gọi tắt là Công ty KH) có ký kết hợp đồng kinh tế với Công ty TNHH BX (Sau đây gọi tắt là Công ty BX). Thời hạn thực hiện hợp đồng là từ ngày 01/3/2011 đến ngày 29/02/2012 và được tự động gia hạn. Tiền mua hàng được thanh toán trong vòng 06 tháng kể từ ngày xuất hóa đơn. Công ty BX nhận hàng đầy đủ, hai bên đã chốt khối lượng hàng hóa và số tiền phải thanh toán. Tổng số tiền mà phía Công ty BX phải thanh toán cho Công ty KH là 926.433.007 đồng (chín trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi ba ngàn, không trăm lẻ bảy).

Ngày 14/10/2013, Công ty KH gửi công văn yêu cầu thanh toán công nợ đồng thời chấp nhận đối trừ cho Công ty BX số tiền: 203.246.280 đồng (hai trăm lẻ ba triệu, hai trăm bốn mươi sáu ngàn, hai trăm tám mươi), vậy Công ty BX còn nợ lại 723.186.727 đồng (bảy trăm hai mươi ba triệu, một trăm tám mươi sáu ngàn, bảy trăm hai mươi bảy). Vì vậy, Công ty KH rút một phần yêu cầu đối với số tiền 203.246.280 đồng (hai trăm lẻ ba triệu, hai trăm bốn mươi sáu ngàn, hai trăm tám mươi). Nếu Công ty BX chấp nhận hòa giải, Công ty KH chỉ yêu cầu thanh toán tiền vốn gốc 723.186.727 đồng (bảy trăm hai mươi ba triệu, một trăm tám mươi sáu ngàn, bảy trăm hai mươi bảy). Trường hợp không hòa giải được thì đề nghị trả tiền vốn gốc và tiền lãi quá hạn của lãi suất cơ bản.

Đại diện hợp pháp bị đơn trình bày: Đối với yêu cầu của phía Công ty KH, Công ty BX có những quan điểm như sau:

- Về số lượng hàng hóa: Công ty BX đã nhận đủ hàng theo như thỏa thuận của các bên trong hợp đồng.

- Về chất lượng hàng hóa: Công ty KH đã giao hàng hóa không đạt chất lượng như yêu cầu, do vậy công ty không thể kinh doanh được và đã bán lại với giá rất thấp so với giá đã mua. Công ty cũng đã khiếu nại đối với Công ty KH về vấn đề này. Công ty cam kết bổ sung tài liệu chứng minh việc khiếu nại.

- Đối với yêu cầu về tiền nợ gốc, công ty đã thực hiện thông qua việc cản trừ tiền bồi thường do hàng không đạt chất lượng và tiền sử dụng nhân công mà phía Công ty BX cung cấp cho Công ty KH thông qua Hợp đồng dịch vụ số 01/BX- KH/2011 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Văn bản thể hiện sự đồng ý cản trừ của Công ty KH đối với Công ty BX, phía Công ty BX chưa bổ sung được vì các bên chỉ ghi chép bằng giấy tay, việc ghi chép không rõ ràng. Nay Công ty BX có yêu cầu phản tố theo Đơn phản tố ngày 22/10/2015 (bút lục 86), đề nghị Công ty KH bồi thường số tiền do hàng không đạt chất lượng theo yêu cầu: 447.981.000 đồng (bốn trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi một ngàn), chi phí nhân công mà Công ty KH chưa thanh toán theo Hợp đồng dịch vụ số 01/BX-KH/2011 ngày 01/4/2011 là: 326.172.000 đồng (ba trăm hai mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi hai ngàn).

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hòa giải không thành.

Tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố.

Bản án số 02/2018/KDTM-ST ngày 28/02/2018 của Tòa án nhân dân Quận N đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH KH: Buộc Công ty TNHH BX trả cho Công ty TNHH KH số tiền 1.150.047.692đồng (một tỷ, một trăm năm mươi triệu, không trăm bốn mươi bảy ngàn, sáu trăm chín mươi hai đồng), trong đó, tiền vốn gốc là: 723.186.727đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 14/10/2013 là 426.860.965đồng.

Các bên giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đình chỉ một phần yêu cầu của Công ty TNHH KH đối với số tiền 203.246.280đồng (hai trăm lẻ ba triệu, hai trăm bốn mươi sáu ngàn, hai trăm tám mươi) do Công ty TNHH KH rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Công ty TNHH BX về việc buộc Công ty TNHH KH hoàn trả số tiền 774.153.000đ (bảy trăm bảy mươi bốn triệu, một trăm năm mươi ba ngàn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/02/2018, Giám đốc đại diện theo pháp luật Công ty TNHH BX ông Oh CS có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;
 - Đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo.
- Bị đơn đã nộp một số chứng cứ mới.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý hồ sơ đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành lập hồ sơ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, việc cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về thời gian giải quyết vụ án chưa đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 61, Điều 74, Điều 199, Điều 200, Điều, 201 Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự;

Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

Sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của đại diện bị đơn làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Bị đơn là Công ty BX kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm vì cho rằng đã thanh toán xong. Nguyên đơn là Công ty KH vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đây là những vấn đề cần xem xét.

[2.1] Xét thấy theo bảng tường trình ngày 24/7/2018 của Công ty KH gửi đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty BX phải thanh toán số tiền 723.166.727 đồng và chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình bằng Văn bản xác nhận số dư ngày 09/01/2012 giữa các bên. Công ty KH cho rằng Công ty BX đã ký xác nhận số tiền 2.269.729.620 đồng. Sau khi trừ các khoản thanh toán qua các lệnh chi tiền và cân trừ phí nhân công thì Công ty BX còn nợ lại là 723.166.727 đồng. Phía bị đơn cho rằng Văn bản xác nhận số dư ngày 09/01/2012 giữa các bên là biên bản lập để giúp cho bên Công ty KH bổ sung hồ sơ kế toán, không phải là Biên bản đối chiếu công nợ. Qua kiểm tra chứng cứ này, biên bản xác nhận số nợ ngày 09/01/2012 có nội dung: “... *đây không phải là yêu cầu thanh toán mà chỉ nhằm mục đích thẩm tra trong kiểm toán...*”. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm phía Công ty BX còn xuất trình các chứng cứ mới là các hóa đơn thanh toán tiền hàng giữa hai bên trong quá trình giao dịch và cho rằng hình thức thanh toán giữa các bên là hình thức cộng dồn chứ không phải thanh toán dứt điểm theo từng hóa đơn. Do đó, cần thiết phải cho các bên đối chiếu công nợ theo các hóa đơn mà các bên đã thực tế thanh toán.

[2.2] Phía Công ty BX khai trong quá trình giao dịch giám đốc Công ty BX đã thanh toán cho ông Chon MS là kế toán trưởng của Công ty KH số tiền 50.000 USD để chứng minh đã thanh toán xong. Về vấn đề này, Công ty BX đã có đơn yêu cầu ngày 23/7/2018 đề nghị Tòa án triệu tập ông Chon MS là kế toán trưởng của Công ty KH với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia vụ án để làm rõ việc thanh toán số tiền này.

[2.3] Về số tiền ký quỹ 10.000 USD phía bị đơn khẳng định theo Điều 6 hợp đồng bán hàng ngày 01/3/2011 các bên có thỏa thuận bên A tức Công ty KH có giữ số tiền 10.000 USD của Công ty BX đây là tiền ký quỹ trong trường hợp vi phạm hợp đồng. Vì vậy, phải hoàn trả cho Công ty BX số tiền này. Xét thấy tại Điều 6 của hợp đồng bán hàng ngày 01/3/2011, có nội dung phía bên A tức Công ty KH nhận số tiền ký quỹ 10.000 USD của Công ty BX để bồi thường thiệt hại.

[2.4] Xét đây là những tình tiết mới cần làm rõ để xác định việc có hay không việc Công ty BX đã thanh toán xong số nợ nói trên. Do đây là những tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm nên cần phải hủy bản án sơ thẩm để đảm bảo hai cấp xét xử.

[2.5] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với những chứng cứ và tình tiết mới xuất hiện tại giai đoạn phúc thẩm do đó không chấp nhận.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[2.7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những phân tích trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH BX. Hủy Bản án số 02/2018/KDTM-ST ngày 28/02/2018 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố H. Trả hồ sơ về Tòa án nhân dân Quận N để giải quyết lại theo quy định pháp luật. Do phát sinh tình tiết mới nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

2.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH BX số tiền 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AE/2014/0008974 ngày 14/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- TAND Quận 2;
- Chi cục THADS Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thùy Dung